

Bảng kê đính kèm
Về việc mua sắm CCDC, vật tư phục vụ dự án STG#3 tại Nhà máy Lọc hoá dầu Nghi Sơn

STT	Tên hàng hoá	Chi tiết kỹ thuật	Unit/Đvt	Q'ty/ Số lượng	Ghi chú
1	Dưỡng đo độ dày 0.05-1mm/ 20 lá/150mm	Bộ lá đo khe hở 20 lá, dải đo 0.05-1.0mm, chiều dài lá 150mm, thép không gỉ	Cái	10	CO, CQ (Bản sao)
2	Cờ lê 27mm	Cờ lê hai đầu mở 27mm, thép Cr-V, tiêu chuẩn DIN 3110	Cái	2	
3	Cờ lê 34mm	Cờ lê hai đầu mở 34mm, thép Cr-V, tiêu chuẩn DIN 3110	Cái	2	
4	Cờ lê 46mm	Cờ lê hai đầu mở 46mm, thép Cr-V, tiêu chuẩn DIN 3110	Cái	3	
5	Cờ lê 50mm	Cờ lê hai đầu mở 50mm, thép Cr-V, tiêu chuẩn DIN 3110	Cái	2	
6	Cờ lê 65mm	Cờ lê hai đầu mở 65mm, thép Cr-V, tiêu chuẩn DIN 3110	Cái	4	
7	Vòng miệng-27	Cờ lê vòng miệng 27mm, thép Cr-V, một đầu vòng một đầu miệng	Cái	15	
8	Cờ lê đầu tròn đầu mở 32mm Stanley STMT80245-8B	Cờ 32mm, thép Cr-V, mạ chrome, tiêu chuẩn ANSI/DIN	Cái	6	
9	Cờ lê 46mm (Hiệu King Tony) (Mới 100%)	Cờ 46mm, thép hợp kim Cr-V, tiêu chuẩn DIN, mới 100%	Cái	2	
10	Đầu tít đen 3/4" (55)	Đầu tuýp đen 3/4 inch, cỡ 55mm, loại impact, thép Cr-Mo	Cái	6	
11	Bộ dụng cụ 1/2" - 24 cái/bộ (19 đầu tuýp, 3 thanh vặn đai ốc, 2 thanh nôi) (Hiệu King Tony) (Mới 100%)	Bộ tuýp 1/2 inch gồm 24 chi tiết: đầu tuýp 10-32mm, cần siết, thanh nôi, thép Cr-V	Bộ	5	CO, CQ (Bản sao)
12	Cờ lê lục giác 20mm	Lục giác chữ L 20mm, thép Cr-V, xử lý nhiệt	Cái	2	
13	Cờ lê lục giác 22mm	Lục giác chữ L 22mm, thép Cr-V, xử lý nhiệt	Cái	2	
14	Cờ lê lục giác - 10 cái/bộ (03-17mm)	Bộ lục giác hệ mét 10 cây, dải 3-17mm, thép Cr-V	Set	2	
15	Búa tạ 1000g (cán nhựa) hiệu Total THSTH61000	Khối lượng đầu búa 1000g, cán nhựa bọc cao su chống trượt	Cái	9	
16	Đồng cây vàng phi 25x250mm	Đường kính 25mm, chiều dài 250mm, thép hợp kim tôi cứng, dùng cạy – tháo lắp cơ khí	Cái	5	
17	kìm phe ≤ 11 [002]23: Century	Kìm phe trong/ngoài, dải làm việc ≤ 11mm, thép Cr-V, tay bọc nhựa	Cái	6	
18	Mỏ lết răng 14	Kích thước 14 inch, loại mỏ lết răng, thép hợp kim, dùng cho ống	Cái	5	
19	Dụng cụ taro ren	Bộ taro ren tay, hệ mét, gồm taro thô – trung – tinh, thép gió HSS	Bộ	1	
20	Cần vặn Flex (dũa)	Cần vặn linh hoạt, đầu vuông 1/2 inch, thép Cr-V	Cái	6	
21	Bộ taro và ren YT-2976	Bộ taro và bàn ren hệ mét, thép gió HSS, đầy đủ phụ kiện	Cái	2	
22	Kéo cắt shim cầm tay	Dùng cắt shim/lá căn kim loại mỏng (thép, inox, đồng, nhôm), độ dày cắt tối đa ≤ 0.5 mm., lưỡi thẳng, chiều dài tổng ~200 mm	Cái	7	
23	Thiết bị đo điện đa năng FLUKE-287 Bao gồm chứng chỉ hiệu chuẩn	Đồng hồ đo điện đa năng True RMS, đo V/A/Ω, ghi dữ liệu, kèm chứng chỉ hiệu chuẩn	Cái	1	CO, CQ (Bản sao) Chứng chỉ hiệu chuẩn
24	Đồng hồ vạn năng (đo điện áp, điện trở, dòng điện) FLUKE 87V Bao gồm chứng chỉ hiệu chuẩn	True RMS, đo điện áp, dòng điện, điện trở, nhiệt độ; kèm chứng chỉ hiệu chuẩn	Cái	3	CO, CQ (Bản sao) Chứng chỉ hiệu chuẩn
25	Đồng hồ đo điện trở cách điện Kyoritsu Model 3125B Bao gồm chứng chỉ hiệu chuẩn	Dải đo đến 2500V, đo điện trở cách điện, kèm chứng chỉ hiệu chuẩn	Cái	2	CO,CQ, Chứng chỉ hiệu chuẩn
26	Bộ dụng cụ 1/2" - 24 cái/bộ (19 đầu tuýp, 3 thanh vặn đai ốc, 2 thanh nôi)	Bộ tuýp 1/2 inch, gồm đầu tuýp, cần siết, thanh nôi; thép Cr-V	Cái	6	
27	Bộ cờ lê đầu tròn đầu mở 14 chi tiết 8-32mm STMT80944-8	Bộ 14 chi tiết, cỡ 8-32mm, thép Cr-V, mạ chrome	Bộ	22	
28	Cờ lê lục giác - 10 cái/bộ (03mm-17mm) (Hiệu Action) (Mới 100%)	Bộ lục giác chữ L, hệ mét 3-17mm, thép Cr-V, mới 100%	Bộ	10	
29	Bộ cờ lê đầu tròn 8-32 Kingtony	Bộ cờ lê vòng miệng 8-32mm, thép Cr-V, tiêu chuẩn DIN	Bộ	6	
30	Thước đo khe hở bằng nhựa SPG1	Bộ lá nhựa đo khe hở, không dẫn điện, dải đo tiêu chuẩn	Bộ	2	
31	Cờ lê 24mm (Hiệu King Tony) (Mới 100%)	Cờ lê hai đầu mở 24mm, thép Cr-V, mới 100%	Cái	10	

STT	Tên hàng hoá	Chi tiết kỹ thuật	Unit/Đvt	Q'ty/ Số lượng	Ghi chú
32	Bộ tuýp mở ốc lục giác	Bộ tuýp mở ốc lục giác hư HITMAN VND2040 - 25 chi tiết	Bộ	1	
33	Bộ đục gioăng	Bộ đục gioăng lỗ tròn, đục gioăng bìa chi tiết máy nhiều kích cỡ từ 3-25mm	Bộ	1	
34	Bộ lục giác 09 cây [020]23: Top	Bộ lục giác hệ mét, 9 cây, thép hợp kim Cr-V, kích thước phổ biến 1.5-10mm, dạng chữ L	Cái	6	
35	Thước thuỷ Fatmax 24"/60cm có từ Stanley 43-554	Chiều dài 600mm (24 inch), thân nhôm, 2-3 bọt thủy, có nam châm, độ chính xác ±0.5mm/m	Cái	4	CO, CQ (Bản sao)
36	Bơm xe đạp	Bơm tay, thân thép/nhôm, đầu bơm van Schrader/Presta, áp suất ≥ 100 PSI	Cái	2	
37	Cáp vải 3 tấn x 4m Eastern Hàn Quốc Bao gồm chứng chỉ kiểm định	Tải trọng làm việc 3 tấn, dài 4m, cáp vải polyester, kèm chứng chỉ kiểm định	Cái	8	CO, CQ (Bản sao) Chứng chỉ kiểm định
38	Cáp vải 2 tấn x 6m Eastern Hàn Quốc	Tải trọng làm việc 2 tấn, dài 6m, polyester, kèm chứng chỉ kiểm định	Cái	4	CO, CQ (Bản sao) Chứng chỉ kiểm định
39	Cáp vải 2 tấn x 4m Eastern Hàn Quốc Bao gồm chứng chỉ kiểm định	Tải trọng làm việc 2 tấn, dài 4m, polyester, kèm chứng chỉ kiểm định	Cái	6	CO, CQ (Bản sao) Chứng chỉ kiểm định
40	Cáp vải 2 tấn x 1m Eastern Hàn Quốc Bao gồm chứng chỉ kiểm định	Tải trọng làm việc 2 tấn, dài 1m, polyester, kèm chứng chỉ kiểm định	Cái	4	CO, CQ (Bản sao) Chứng chỉ kiểm định
41	Cáp vải 1 tấn x 2m Eastern Hàn Quốc Bao gồm chứng chỉ kiểm định	Tải trọng làm việc 1 tấn, dài 2m, polyester, kèm chứng chỉ kiểm định	Cái	12	CO, CQ (Bản sao) Chứng chỉ kiểm định
42	Mã ní HQ 3/4 (4,75 tấn) omega vắn ren Bao gồm chứng chỉ kiểm định	Cỡ 3/4 inch, tải trọng ~4.75 tấn, thép hợp kim, kèm chứng chỉ kiểm định	Cái	18	CO, CQ (Bản sao) Chứng chỉ kiểm định
43	Pa lăng xích lác tay HSC 2T-5m, tải trọng nâng: 2 tấn. Chiều cao nâng hạ: 5 mét Bao gồm chứng chỉ kiểm định	Tải trọng 2 tấn, chiều cao nâng 5m, vận hành lác tay, kèm chứng chỉ kiểm định	Chiếc	4	CO, CQ (Bản sao) Chứng chỉ kiểm định
44	Máy hiệu chuẩn đa năng FLUKE FLUKE-725/APAC/EMEA	Thiết bị hiệu chuẩn đa năng, hiệu chuẩn V, mA, Ω, RTD, TC; dùng công nghiệp; khu vực APAC/EMEA	Cái	1	CO, CQ (Bản sao) Chứng chỉ hiệu chuẩn
45	Cờ lê lực 10-60 Nm, Model: MOT2-60N	Dải lực 10-60 Nm, sai số ±4%, đầu vuông 1/2 inch, cơ cấu click	Cái	1	CO, CQ (Bản sao) Chứng chỉ hiệu chuẩn
46	Thước micrometer đo trong cơ khí 50-300mm/0.01Mitutoyo (137-202) Mitutoyo/Nhật Bao gồm chứng chỉ hiệu chuẩn	Dài đo 50-300mm, độ chia 0.01mm, cơ khí, kèm chứng chỉ hiệu chuẩn	Bộ	3	CO, CQ (Bản sao) Chứng chỉ hiệu chuẩn
47	Thước micrometer đo trong cơ khí 50-1000mm/0.01Mitutoyo (137-204) Mitutoyo/Nhật Bao gồm chứng chỉ hiệu chuẩn	Dài đo 50-100mm, độ chia 0.01mm, cơ khí, kèm chứng chỉ hiệu chuẩn	Bộ	1	CO, CQ (Bản sao) Chứng chỉ hiệu chuẩn
48	Thước micrometer cơ khí 0 - 25mm/0.01 Mitutoyo (103-137) Mitutoyo/Nhật Bao gồm chứng chỉ hiệu chuẩn	Dài đo 0-25mm, độ chia 0.01mm, cơ khí, kèm chứng chỉ hiệu chuẩn	Cái	2	CO, CQ (Bản sao) Chứng chỉ hiệu chuẩn
49	Thước micrometer cơ khí 150-300mm/0.01 Mitutoyo (104-136A) Mitutoyo/Nhật Bao gồm chứng chỉ hiệu chuẩn	Dài đo 150-300mm, độ chia 0.01mm, cơ khí, kèm chứng chỉ hiệu chuẩn	Cái	2	CO, CQ (Bản sao) Chứng chỉ hiệu chuẩn
50	Thước micrometer cơ khí 400-500mm/0.01 Mitutoyo (104-143A) Mitutoyo/Nhật Bao gồm chứng chỉ hiệu chuẩn	Dài đo 400-500mm, độ chia 0.01mm, cơ khí, kèm chứng chỉ hiệu chuẩn	Cái	1	CO, CQ (Bản sao) Chứng chỉ hiệu chuẩn

STT	Tên hàng hoá	Chi tiết kỹ thuật	Unit/Đvt	Q'ty/ Số lượng	Ghi chú
51	Thiết bị đo điện trở nhỏ milliohm Tenmars TM -508A Bao gồm chứng chỉ hiệu chuẩn	Đo điện trở mΩ, dòng đo cao, hiển thị số, kèm chứng chỉ hiệu chuẩn	Cái	2	CO, CQ (Bản sao) Chứng chỉ hiệu chuẩn
52	Bộ 12 cờ lê vòng miệng. Kt: 6-32mm, ECSS11202	Bộ 12 cờ lê vòng miệng, cỡ 6-32mm, thép Cr-V, mạ chrome	Cái	13	
53	Cờ lê miệng đóng 50mm	Cờ lê miệng đóng 50mm, thép hợp kim, dùng búa gỗ	Cái	2	
54	Cờ lê miệng đóng 55mm	Cờ lê miệng đóng 55mm, thép hợp kim, dùng búa gỗ	Cái	2	
55	Cờ lê miệng đóng 65mm	Cờ lê miệng đóng 65mm, thép hợp kim, dùng búa gỗ	Cái	4	
56	Cờ lê miệng đóng 70mm	Cờ lê miệng đóng 70mm, thép hợp kim, dùng búa gỗ	Cái	2	
57	Cờ lê miệng đóng 75mm	Cờ lê miệng đóng 75mm, thép hợp kim, dùng búa gỗ	Cái	4	
58	Cờ lê đóng đầu miệng 80mm SATA 48617	Cờ 80mm, thép Cr-V, dùng búa, hãng SATA	Cái	2	
59	Cờ lê đóng đầu miệng 90mm SATA 48619	Cờ 90mm, thép Cr-V, dùng búa, hãng SATA	Cái	2	
60	Đầu tuýp 3/4 ngắn 22mm	Đầu tuýp ngắn, cỡ 22mm, đầu vuông 3/4 inch, thép Cr-V	Cái	2	
61	Đầu tuýp 3/4 ngắn 27mm	Đầu tuýp ngắn, cỡ 27mm, đầu vuông 3/4 inch, thép Cr-V	Cái	2	
62	Khẩu đen dài 3/4 số 32mm. Mã: KA- 2018. Hiệu: STAKA	Đầu tuýp impact dài, cỡ 32mm, đầu vuông 3/4 inch, thép Cr-Mo, màu đen	Cái	10	
63	Khẩu đen dài 3/4 số 36mm. Mã: KA-2031. Hiệu: STAKA	Đầu tuýp impact dài, cỡ 36mm, đầu vuông 3/4 inch, thép Cr-Mo	Cái	8	
64	Khẩu đen dài 3/4 số 41mm. Mã: KA- 2033. Hiệu: STAKA	Đầu tuýp impact dài, cỡ 41mm, đầu vuông 3/4 inch, thép Cr-Mo	Cái	6	
65	Khẩu đen dài 3/4 số 46mm. Mã: KA- 2034. Hiệu: STAKA	Đầu tuýp impact dài, cỡ 46mm, đầu vuông 3/4 inch, thép Cr-Mo	Cái	6	
66	Khẩu đen dài 3/4 số 50mm. Mã: KA- 2035. Hiệu: STAKA	Đầu tuýp impact dài, cỡ 50mm, đầu vuông 3/4 inch, thép Cr-Mo	Cái	6	
67	Khẩu đen dài 3/4 số 60mm. Mã: KA- 2037. Hiệu: STAKA	Đầu tuýp impact dài, cỡ 60mm, đầu vuông 3/4 inch, thép Cr-Mo	Cái	4	
68	Khẩu Đen Dài 3/4 số 65mm STAKA MAX. Mã: KA-2038, hiệu: STAKA MAX	Đầu tuýp impact dài, cỡ 65mm, đầu vuông 3/4 inch, thép Cr-Mo, dòng heavy duty	Cái	4	
69	Đầu tuýp 3/4 ngắn 75mm	Đầu tuýp ngắn, cỡ 75mm, đầu vuông 3/4 inch, thép Cr-V	Cái	2	
70	Lục Giác Lê 19 STAKA. Mã: KA-1629. Hiệu: STAKA	Đầu lục giác gắn cần, cỡ 19mm, thép hợp kim, dùng siết lực	Cái	1	
71	Bộ 9 chìa lục giác bi EHKY2092, EHKY2092	Bộ lục giác bi 9 cây, hệ mét, thép Cr-V	Cái	18	
72	Bộ 9 chìa lục giác hoa thị EHKY3092	Bộ lục giác sao (Torx) 9 cây, thép Cr-V	Cái	15	
73	Búa đầu vuông 2LB STAKA MAX. Mã: KA-2643. Hiệu: STAKA	Búa đầu vuông 2LB (~0.9kg), cán sợi thủy tinh, chịu lực cao	Cái	5	
74	Tuốc nơ vít A đầu dẹp 8* 410mm SATA 62222	Tua vít dẹp 2 đầu, mũi 8mm, dài 410mm, thép Cr-V	Cái	6	
75	DL625200 Tovit Thép CRv PH1*200mm E	Tua vít bake PH1, dài 200mm, thép Cr-V	Chiếc	10	
76	DL2661501 Tovit 6.0x150mm Màu vàng	Tua vít dẹp 6.0mm, dài 150mm, cán nhựa	Chiếc	10	
77	DL2207 Kim cắt điện 7" E	Kim cắt điện 7 inch, thép Cr-V, cách điện	Chiếc	10	
78	DL2008 Kim điện 8" E	Kim điện đa năng 8 inch, thép Cr-V, cách điện	Chiếc	10	
79	Tuýp tay vận chữ T 8mm SATA 47701	Tuýp chữ T 8mm, thép Cr-V	Cái	10	
80	Tuýp tay vận chữ T 9mm SATA 47702	Tuýp chữ T 9mm, thép Cr-V	Cái	10	
81	Tuýp tay vận chữ T 10mm SATA 47703	Tuýp chữ T 10mm, thép Cr-V	Cái	10	
82	Tuýp tay vận chữ T 11mm SATA 47704	Tuýp chữ T 11mm, thép Cr-V	Cái	10	
83	Tuýp tay vận chữ T 12mm SATA 47705	Tuýp chữ T 12mm, thép Cr-V	Cái	10	
84	Tuýp tay vận chữ T 13mm SATA 47706	Tuýp chữ T 13mm, thép Cr-V	Cái	10	
85	Tuýp tay vận chữ T 14mm SATA 47707	Tuýp chữ T 14mm, thép Cr-V	Cái	10	
86	Tuýp tay vận chữ T 17mm SATA 47710	Tuýp chữ T 17mm, thép Cr-V	Cái	10	
87	Tuýp tay vận chữ T 19mm SATA 47712	Tuýp chữ T 19mm, thép Cr-V	Cái	10	
88	Tua vít 2 đầu. Kt: 6.35x160mm, PH2+SL6, ESDRH0202	Tua vít 2 đầu bake PH2 + dẹp SL6, dài 160mm	Cái	6	
89	Bút thử điện, AC 100- 500V, Kt: 4 x190mm. ETPL19001	Bút thử điện xoay chiều 100-500V, cách điện	Cái	2	
90	Mô lét điều chỉnh bánh răng, Kt: 6 inch (150mm). EAWH130601	Mô lét điều chỉnh, chiều dài 150mm	Cái	9	
91	Mô lét điều chỉnh bánh răng, Kt: 10 inch (250mm). EAWH131001	Mô lét điều chỉnh, chiều dài 250mm	Cái	12	
92	Mô lét 15 inch	Mô lét điều chỉnh 15 inch (~375mm)	Cái	2	

STT	Tên hàng hoá	Chi tiết kỹ thuật	Unit/Đvt	Q'ty/ Số lượng	Ghi chú
93	Con chạy xích treo pa lăng KYOTO 2 tấn x 5 mét GCL-A2	Con chạy xích treo pa lăng, tải 2 tấn, dầm I, chiều cao nâng 5m	Cái	2	CO, CQ (Bản sao) Chứng chỉ kiểm định
94	Thước cặp điện tử 0-150mm x 0.01	Thước cặp điện tử, dải đo 0-150mm, độ chia 0.01mm	Cái	2	CO, CQ (Bản sao)
95	Panme đo ngoài cơ khí 0-25mm x 0.01	Panme cơ khí, dải đo 0-25mm, độ chia 0.01mm	Cái	1	CO, CQ (Bản sao) Chứng chỉ hiệu chuẩn
96	Panme đo ngoài cơ khí 25-50mm x 0.01	Panme cơ khí, dải đo 25-50mm, độ chia 0.01mm	Cái	1	CO, CQ (Bản sao) Chứng chỉ hiệu chuẩn
97	Panme đo ngoài cơ khí 75-100mm x 0.01	Panme cơ khí, dải đo 75-100mm, độ chia 0.01mm	Cái	1	CO, CQ (Bản sao) Chứng chỉ hiệu chuẩn
98	Panme đo ngoài cơ khí 300-400mm x 0.01	Panme cơ khí, dải đo 300-400mm, độ chia 0.01mm	Cái	1	CO, CQ (Bản sao) Chứng chỉ hiệu chuẩn
99	Thước kê vuông 320x160x20mm	Thước kê vuông thép, kích thước 320x160x20mm	Cái	1	
100	Bộ kim mở phe gồm 4 chi tiết, độ mở ngầm: 40-100mm, mã hiệu 119.2060, hãng KS Tools	Bộ 4 kim mở phe trong/ngoài, dải 40-100mm	Bộ	1	CO, CQ (Bản sao) Chứng chỉ kiểm định
101	Taro 20x2.0 STAKA MAX. Mã KA-6629 hiệu: STAKA MAX	Mũi taro hệ mét M20x2.0, thép gió HSS	Cái	4	
102	Mũi Taro 1/2"	Mũi taro ren inch 1/2 inch, thép gió HSS	Cái	4	
103	Cờ lê vòng miệng 50mm	Cờ lê vòng miệng 50mm, thép Cr-V	Cái	2	
104	Cờ lê vòng miệng 55mm	Cờ lê vòng miệng 55mm, thép Cr-V	Cái	2	
105	Cờ lê vòng miệng 65mm	Cờ lê vòng miệng 65mm, thép Cr-V	Cái	4	
106	Cờ lê vòng miệng 70mm	Cờ lê vòng miệng 70mm, thép Cr-V	Cái	2	
107	Cờ lê vòng miệng 75mm	Cờ lê vòng miệng 75mm, thép Cr-V	Cái	4	
108	Thước eke vuông 320x160x20mm	Thước eke vuông thép, kích thước 320x160x20mm	Cái	1	
109	Molykote 1000 paste	Lọ 1kg	Lọ	19	
110	Giấy nhám P250	Giấy nhám hạt Aluminum Oxide, độ nhám P250, dùng mài kim loại/gỗ	Cuộn	6	
111	Cuộn giấy nhám mài trên nền chỉ bằng giấy AC86PM MT-Emoxin, kt: 100mmx45m, độ nhám P600	Giấy nhám cuộn, độ nhám P600, kích thước 100mm x 45m, nền giấy	Tờ	300	
112	Cuộn giấy nhám mài trên nền chỉ bằng giấy AC86PM MT-Emoxin, kt: 75mmx45m, độ nhám P1000	Giấy nhám cuộn, độ nhám P1000, kích thước 75mm x 45m, nền giấy	Tờ	300	
113	Giấy nhám mài trên nền chỉ bằng giấy CC45P MT-Emoxin kt: 230mmx280mm, độ nhám P1200	Giấy nhám tờ, độ nhám P1200, kích thước 230x280mm	Tờ	300	
114	Đá mài dầu P300 (10 thanh/hộp)	Kích thước 25x50x200mm Độ hạt 300	Thanh	10	
115	Đá mài dầu P600 (10 thanh/hộp)	Kích thước 25x50x200mm Độ hạt 600	Thanh	9	
116	X'traseal keo thế ron 85GM-650F	Keo làm kín ren, chịu nhiệt cao, dung tích ~85g	Tuýp	10	
117	Keo Loctite 243	Keo khóa ren trung bình, dung tích ~10ml	Tuýp	2	
118	Bột kiểm tra tiếp xúc màu đỏ	Bột kiểm tra tiếp xúc bề mặt, màu đỏ, ~250g	Lọ	4	
119	Băng dính giấy 5cm	Băng keo giấy, bản rộng 50mm, chịu nhiệt nhẹ, dùng che chắn khi sơn	Cuộn	70	
120	Bút đánh dấu màu đỏ	Bút sơn công nghiệp, màu đỏ, viết trên kim loại, bê tông	Chiếc	40	
121	Bút đánh dấu màu trắng	Bút sơn công nghiệp, màu trắng, viết trên kim loại, bê tông	Chiếc	40	
122	Dao trở SDI 0423 loại to	Dao rọc giấy cỡ lớn, lưỡi thép SK5, thân nhựa	Chiếc	22	
123	Băng dính trắng	Băng keo nhựa PVC, màu trắng, đa dụng	Cuộn	10	
124	Giẻ sạch cotton	Giẻ lau công nghiệp cotton, thấm dầu tốt	Kg	400	
125	Silicon APOLO màu đỏ	Keo Silicon apollo A500	Tuýp	10	

STT	Tên hàng hoá	Chi tiết kỹ thuật	Unit/Đvt	Q'ty/ Số lượng	Ghi chú
126	Silicon APOLO màu trắng (1 thùng/ 25 tuýp)	Keo silicon đa dụng, màu trắng, đóng tuýp, 1 thùng 25 tuýp	Tuýp	10	
127	Dây dù phi 10	Dây dù nylon, đường kính ~10mm	Kg	20	
128	Dây dù phi 6	Dây dù nylon, đường kính ~6mm	Kg	20	
129	Băng rào cảnh báo KT 8cm*100m	Băng cảnh báo PE, bản rộng 80mm, dài 100m	Cuộn	45	
130	Dây rút nhựa 5 x 250mm	Dây rút nhựa nylon, kích thước 5x250mm	Túi	2	
131	Dây rút nhựa 8x400mm	8x400mm	Túi	2	
132	Thanh kê gỗ 10x120x1000mm	10x120x1000mm	Thanh	40	
133	Pallet gỗ 1000x1000x120mm	1000x1000x120mm	Cái	50	
134	Đá cắt 100MM	100MM	Viên	100	
135	Đá cắt 125MM	125MM	Viên	10	
136	Găng tay cao su	Găng tay cao su bảo hộ, chống dầu nhẹ, tái sử dụng	Đôi	85	
137	Cuộn màng PE đen loại 1	Màng PE đen, dùng che phủ, đóng cuộn	Kg	12	
138	Thùng nhựa đựng bu lông KT 61*38*20.6CM có quai sắt hai đầu	KT 61*38*20.6CM có quai sắt hai đầu	Cái	40	
139	Màng PE 5kg	loại 5kg	cuộn	15	
140	Túi rút trắng loại 2Kg	Kích thước: 36x23x14cm	Kg	4	
141	Mặt nạ phòng độc	3M 7502 (bao gồm pin Lọc)	Bộ	6	
142	Dầu bôi trơn WD-40-412ML/336G / 13.9FLOZ	WD-40-412ML/336G / 13.9FLOZ	Thùng	21	
143	Quần áo chống hóa chất tyvek400	Bộ quần áo bảo hộ Tyvek 400, chống bụi và hóa chất nhẹ	Bộ	25	
144	Chổi quét sơn 3 ịchn (bản rộng 7.5 cm)	KT: 3 inch (bản rộng 7.5cm)	Cái	40	
145	Chổi sơn 1.5"	Chổi sơn cán gỗ, bản rộng 1.5 inch	Cái	10	
146	Chổi sơn 2.5"	Chổi sơn cán gỗ, bản rộng 2.5 inch	Cái	10	
147	Chổi sơn 4"	Chổi sơn cán gỗ, bản rộng 4 inch	Cái	10	
148	Bạt xanh cam 4x50m	Bạt nhựa PE, kích thước 4x50m, chống thấm	Cuộn	8	
149	Bát đánh ri 100	Bát đánh ri gắn máy mài, đường kính ~100mm	Cái	20	
150	Chổi đánh gi	Chổi thép đánh gi, gắn máy mài hoặc cầm tay	Cái	30	
151	Xô sơn 20L	Xô nhựa đựng sơn, dung tích 20 lít	Cái	10	
152	Khí Argon loại 40 lít	Bình khí Argon tinh khiết, dung tích 40L, dùng hàn TIG	Chai	9	
153	Vít bắn tôn	Vít tự khoan bắn tôn, thép mạ kẽm	túi	2	
154	Đầu vít Bake	Đầu vít Bake (PH), thép Cr-V, gắn máy khoan	Cái	5	
155	X'traseal keo thể ron 300GM-650F	Keo thể giaoăng, chịu nhiệt cao ~650°F, dung tích 300g	Tuýp	20	
156	Shim chèn căn chỉnh 2.0*320*1000mm (SS304)	Tấm shim inox SUS304, dày 2.0mm, kích thước 320x1000mm	Tấm	5	
157	Shim chèn căn chỉnh 1.0*320*1000mm (thép trắng)	Tấm shim thép carbon, dày 1.0mm, kích thước 320x1000mm	Tấm	5	
158	Shim chèn căn chỉnh 0.5*320*1000mm (thép trắng)	Tấm shim thép carbon, dày 0.5mm, kích thước 320x1000mm	Tấm	5	
159	Shim chèn căn chỉnh 0.3*320*1000mm (thép trắng)	Tấm shim thép carbon, dày 0.3mm, kích thước 320x1000mm	Tấm	5	
160	Shim chèn căn chỉnh 0.2*320*1000mm (thép trắng)	Tấm shim thép carbon, dày 0.2mm, kích thước 320x1000mm	Tấm	5	
161	Shim chèn căn chỉnh 0.1*320*1000mm (thép trắng)	Tấm shim thép carbon, dày 0.1mm, kích thước 320x1000mm	Tấm	5	
162	Shim chèn căn chỉnh 0.05*320*1000mm (thép trắng)	Tấm shim thép carbon, dày 0.05mm, kích thước 320x1000mm	Tấm	5	
163	Thanh ren M8 x1000mm với 2 đai ốc.	Ty ren M8, chiều dài 1000mm, kèm 2 đai ốc	Thanh	10	
164	Thanh ren M10 x1000mm với 2 đai ốc.	Ty ren M10, chiều dài 1000mm, kèm 2 đai ốc	Thanh	5	
165	Thanh ren M12 x 1000mm với 2 đai ốc	Ty ren M12, chiều dài 1000mm, kèm 2 đai ốc	Thanh	5	
166	Găng tay sơn đỏ	Găng tay vải phủ cao su đỏ, dùng sơn và cơ khí nhẹ	Đôi	800	
167	Nút bịt tai chống ồn	Nút tai chống ồn bằng xốp PU, giảm ồn	Cặp	600	
168	Mặt nạ mài	Mặt nạ bảo hộ khi mài, che mặt, chống tia lửa	Cái	30	
169	Khâu trang 3M (Hộp 50 cái)	Khâu trang bảo hộ 3M, loại dùng một lần, lọc bụi mịn	Hộp	2	
170	Dây thùng 12mm	Dây thùng sợi tổng hợp/PP, đường kính 12mm	Mét	50	
171	Dây rút nhựa 10x500mm	Dây rút nhựa nylon, kích thước 10x500mm, chịu lực cao	Bịch	14	
172	Dây rút nhựa 4 x 200mm	Dây rút nhựa nylon, kích thước 4x200mm	Bịch	11	
173	Giẻ lau màu khô 300 x 300mm	Giẻ lau công nghiệp, kích thước 300x300mm	Kg	300	
174	Chất kết dính đi từ Silicon - Apollo Silicone Sealant A500	Keo silicone Apollo A500, dùng làm kín và kết dính	Chai	60	

STT	Tên hàng hoá	Chi tiết kỹ thuật	Unit/Dvt	Q'ty/ Số lượng	Ghi chú
175	Băng dính điện màu đen	Băng keo điện PVC, màu đen, cách điện	Cuộn	20	
176	Cuộn cao su non (băng tan)	Băng tan PTFE, dùng làm kín ren ống	Cuộn	70	
177	Bút sơn	Bút sơn Uni Paint Marker PX-20 nét 2.2-2.8mm	Cái	10	
178	Thùng đựng đồ 440x190x220mm	Thùng nhựa, kích thước 440x190x220mm	Cái	4	
179	Đầu cose 25 x 10mm	Đầu cos đồng 25mm ² , lỗ bắt bulong 10mm	Cái	50	
180	Đầu cose 25 x 12mm	Đầu cos đồng 25mm ² , lỗ bắt bulong 12mm	Cái	25	
181	Đầu cose 16 x 10mm	Đầu cos đồng 16mm ² , lỗ bắt bulong 10mm	Cái	150	
182	Băng dính màu đỏ	Băng keo PVC màu đỏ	Cuộn	20	
183	Băng dính màu xanh	Băng keo PVC màu xanh	Cuộn	20	
184	Băng dính màu vàng	Băng keo PVC màu vàng	Cuộn	20	
185	Băng dính màu đen	Băng keo PVC màu đen	Cuộn	20	
186	Băng dính cách điện màu vàng	Băng keo điện PVC, màu vàng	Cuộn	20	
187	Nút bịt ren ngoài inox DN10	Nút bịt ren ngoài DN10, vật liệu inox	Cái	40	
188	Tấm cao su kích thước dày 3mm, rộng 1000mm	Tấm cao su công nghiệp, dày 3mm, khổ 1000mm	Mét	30	
189	Băng keo 12mm	Băng keo dán, bản rộng 12mm	Cuộn	20	
190	Thanh ren 8.8 M14x1000+nut	Ty ren cấp bền 8.8, M14, dài 1000mm	Cái	5	
191	Thanh ren 8.8 M16x1000+nut	Ty ren cấp bền 8.8, M16, dài 1000mm	Cái	5	
192	Thanh ren 8.8 M20x1000+nut	Ty ren cấp bền 8.8, M20, dài 1000mm	Cái	4	
193	Thanh ren 8.8 M30x1000+nut	Ty ren cấp bền 8.8, M30, dài 1000mm	Cái	4	
194	Lưới thép 120 khổ rộng 1.2m dài 5m	Lưới thép hàn, ô 120mm, khổ 1.2m	M2	6	
195	Lưới thép 120 khổ rộng 1.2m dài 2m	Lưới thép hàn, ô 120mm, khổ 1.2m	M2	2	
196	Tấm chà bụi nhùi	Nhám bụi nhùi chà kim loại 3M Scotch 150mm x 28mm	Cái	100	
197	Bình chữa cháy MFZL4	Bình chữa cháy bột MFZL4, 4kg	Bình	20	
198	Giấy thấm dầu	Giấy thấm dầu công nghiệp	Thùng	5	
199	Amiang loại 1mm	Tấm amiang chịu nhiệt, dày 1mm (1m*2m)	Tấm	1	
200	Amiang loại 2mm	Dày 2mm (1m*2m)	Tấm	2	
201	Keo 502 loại to	Keo cyanoacrylate (502), dung tích lớn	Lọ	5	
202	Giẻ trắng cotton	Giẻ lau công nghiệp cotton trắng, thấm dầu tốt	Kg	50	
203	Thanh ren M6 + nut dài 1m	Ty ren M6, chiều dài 1000mm, kèm đai ốc	Thanh	5	
204	Thanh ren M20 + nut dài 1m	Ty ren M20, chiều dài 1000mm, kèm đai ốc	Thanh	10	
205	Tua vít 2 cạnh loại 300mm	Tua vít dẹt, chiều dài trục 300mm, thép Cr-V	Cái	10	
206	Tua vít 4 cạnh loại 200mm	Tua vít bake (PH), chiều dài trục 200mm, thép Cr-V	Cái	10	
207	Bàn chải vệ sinh	Bàn chải nhựa/cứng, dùng vệ sinh thiết bị	Cái	50	
208	Dao rọc giấy	Dao rọc giấy đa dụng, lưỡi thép	Cái	13	
209	Kéo cắt shim chèn >300	Kéo cắt tấm shim kim loại, khả năng cắt >0.3mm	Cái	2	
210	Kéo cắt shim chèn >500	Kéo cắt tấm shim kim loại, khả năng cắt >0.5mm	Cái	2	
211	Shim chèn căn chỉnh 0.5x320x1000mm thép trắng	Tấm shim thép carbon, dày 0.5mm, khổ 320x1000mm	Tấm	3	
212	Shim chèn căn chỉnh 0.3x320x1000mm thép trắng	Tấm shim thép carbon, dày 0.3mm, khổ 320x1000mm	Tấm	3	
213	Shim chèn căn chỉnh 0.2x320x1000mm thép trắng	Tấm shim thép carbon, dày 0.2mm, khổ 320x1000mm	Tấm	3	
214	Shim chèn căn chỉnh 0.1x320x1000mm thép trắng	Tấm shim thép carbon, dày 0.1mm, khổ 320x1000mm	Tấm	3	
215	Shim chèn căn chỉnh 0.05x320x1000mm thép trắng	Tấm shim thép carbon, dày 0.05mm, khổ 320x1000mm	Tấm	3	
216	Khẩu trang	Khẩu trang bảo hộ dùng một lần	Hộp	10	
217	Chế phẩm bôi trơn Molykote 111 (150g/tuýp)	Mỡ silicone Molykote 111, chịu nhiệt & hóa chất, tuýp 150g	Tuýp	10	
218	Keo Hylomar Blue	Keo làm kín không khô, màu xanh, chịu nhiệt	Tuýp	4	
219	Keo 3M super 77	Keo xịt đa năng 3M Super 77	Chai	2	
220	Dây thừng 3mm	Dây thừng sợi tổng hợp, đường kính 3mm	Kg	5	
221	Lưỡi dao rọc giấy	Lưỡi dao rọc giấy thay thế, thép	Hộp	5	
222	Chổi quét sơn 1"	Chổi sơn cán gỗ, bản rộng 1 inch	Cái	20	
223	Chổi quét sơn 2"	Chổi sơn cán gỗ, bản rộng 2 inch	Cái	20	
224	Lưỡi cưa sắt	Lưỡi cưa sắt tay, thép hợp kim	Cái	20	
225	Băng keo 2 mặt	Băng keo hai mặt, dán đa dụng	Cuộn	20	
226	Băng dính trong 5cm	Băng keo trong, bản rộng 50mm	Cuộn	20	
227	Khí hóa lỏng LPG loại 12 kg/b	Bình gas LPG, dung tích 12kg	Bình	1	
228	Khí Oxy loại 40 lít	Bình khí Oxy công nghiệp, dung tích 40L	Bình	1	
229	Súng bắn silicon	Súng bơm keo silicone, loại cầm tay	Cái	10	
230	Kéo cắt gioăng	Kéo cắt gioăng cao su / vật liệu mềm	Cái	10	

STT	Tên hàng hoá	Chi tiết kỹ thuật	Unit/Dvt	Q'ty/ Số lượng	Ghi chú
231	Chổi đánh gi	Chổi thép đánh gi, gắn máy mài hoặc cầm tay	Cái	50	
232	Dây thít nhựa 15-20cm	Dây rút nhựa nylon, chiều dài 150–200mm	Túi	5	
233	Dây thít nhựa 20-30cm	Dây rút nhựa nylon, chiều dài 200–300mm	Túi	5	
234	Mo hàn	Mặt nà hàn kết hợp mũ bảo hộ 6PA3, được làm từ chất liệu cao cấp có khả năng chống va đập, chống lửa và sự xâm nhập	Cái	5	
235	Bàn xùi loại ngắn	Chiều dài cán: 30cm	Cái	20	
236	Bàn xùi loại dài	Chiều dài cán: 50cm	Cái	20	
237	Chổi quét vệ sinh	Chổi quét vệ sinh cán dài	Cái	10	
238	Hốt rác	Hốt rác nhựa, cán cầm tay	Cái	10	
239	Thước 5m	Thước cuộn thép, chiều dài 5m	Cái	10	
240	Đầu chuyên đổi từ socket 1/2 sang đầu bake(bắn vít)	Đầu chuyên 1/2 inch sang đầu bake (PH)	Cái	4	
241	Dây thép mạ kẽm D2	Dây thép mạ kẽm, đường kính 2mm, dùng buộc – gia công cơ khí	Kg	200	
242	Khớp nối nhanh	Khớp nối nhanh kim loại, dùng nối ống/khí, tháo lắp nhanh	Cái	10	
243	Ráp chùi rửa	12 x 15.5 cm	Cái	20	
244	ĐẦU CHỐNG RỈ-NP RUST OIL- XÔ 18L	Đầu chống gỉ tạm thời cho kim loại, dạng lỏng, xô 18 lít	Xô	1	
245	Băng Keo Điện Vinyl 3M™ Scotch® 35, Màu Đỏ, 3/4 in x 66 ft, 10/Hộp, 100/Thùng	Băng keo điện PVC 3M Scotch 35, màu đỏ, khổ 3/4 inch x 66 ft	Cuộn	23	
246	Sika grout 214-11	Vữa không co ngót gốc xi măng, cường độ cao, bao 25kg	Kg	75	
247	Thanh ren mã kẽm M16+8 ecu+8 đệm	Ty ren mạ kẽm M16, kèm đai ốc và long đen	Thanh	4	
248	Xà beng	Xà beng thép đặc, dùng cạy – bẩy vật nặng	Cái	10	
249	Bay xúc mỡ thừa	Bay thép dùng xúc mỡ, dầu mỡ công nghiệp	Cái	20	
250	Giấy nhám mài trên nền chỉ bằng giấy CC45P MT-Emoxin kt: 230mmx280mm, độ nhám P1000	Giấy nhám tờ, kích thước 230x280mm, độ nhám P1000	Tờ	200	
251	Giấy nhám mài trên nền chỉ bằng giấy CC45P MT-Emoxin kt: 230mmx280mm, độ nhám P600	Giấy nhám tờ, kích thước 230x280mm, độ nhám P600	Tờ	200	
252	Hítít HIT-RE500+ súng	Keo cấy thép Hilti HIT-RE500, dùng với súng bơm chuyên dụng	Tuýp	1	
253	Đá mài 100	Đá mài kim loại, đường kính 100mm	Cái	8	
254	Mũi quạ mài nhót thép trắng	Mũi mài hợp kim dùng mài thép trắng	Cái	1	
255	Mũi khoan sắt F8	Mũi khoan sắt đường kính 8mm, thép gió HSS	Cái	1	
256	Mũi khoan bê tông F18	Mũi khoan bê tông đường kính 18mm, hợp kim	Cái	1	
257	Găng tay hàn con ngựa	Găng tay da hàn chịu nhiệt, loại con ngựa	Đôi	10	
258	Đầu nối khí đuôi chuột	Đầu nối khí nén đuôi chuột, bằng đồng/thép	Bộ	10	
259	Đầu chuyên bu lông 1/2", 1/4" có thể thay đổi được, phải tháo lắp dùng cho máy đóng bắt vít [044]24: Top	Đầu chuyên socket 1/2 inch & 1/4 inch, dùng máy bắn vít	Cái	4	
260	Khớp nối đầu đực 3/4	Khớp nối nhanh 3/4" 46PF - Đầu đực, ren trong (Ống Nitto 600Sh)	Bộ	6	
261	Bàn chải nhỏ	https://www.anlocviet.vn/ban-chai-cha-san-tay-cam-nho	Cái	5	
262	bàn chải lớn cọ nhà vệ sinh	Kích thước: 5.5cmx4cmx41cm	Cái	5	
263	Xô sắt 5 lít	Xô sắt đựng dầu/son, dung tích 5 lít	Cái	3	
264	Túi zip 25x30cm	Túi zip nhựa, kích thước 25x30cm	Kg	5	
265	kim phe	Kim phe trong/ngoài, thép Cr-V	cái	8	
266	mỏ hàn tig	Mỏ hàn TIG dùng hàn Argon	cái	2	
267	công tắc hàn	Công tắc điều khiển mỏ hàn	cái	3	
268	sứ hàn tig 6	Sứ hàn TIG size 6	hộp	1	
269	sứ hàn tig 8	Sứ hàn TIG size 8	hộp	1	
270	kim hàn tig	Kim hàn TIG vonfram	hộp	1	
271	keo kim hàn 2.4mm	Keo giữ kim hàn TIG đường kính 2.4mm	cái	23	
272	bộ ty ren 24 +ecu 24	Bộ ty ren M24 kèm đai ốc	bộ	4	
273	ecu 30	Ecu (đai ốc) thép mạ kẽm 8.8; M30	cái	20	
274	Cào bi 2 chấu	Cào tháo vòng bi 2 chấu	cái	1	
275	ty ren m36	Ty ren M36, chiều dài tiêu chuẩn	thanh	4	
276	ecu m36	Ecu (đai ốc) thép mạ kẽm 8.8; M36	cái	20	
277	acetone	Dung môi Acetone công nghiệp, dùng tẩy dầu mỡ	lít	40	
278	can 20l	Can nhựa dung tích 20 lít	cái	2	
279	đá doa hợp kim	Đá doa/mài hợp kim	cái	1	
280	pin aa	Pin AA 1.5V	cặp	5	

STT	Tên hàng hoá	Chi tiết kỹ thuật	Unit/Đvt	Q'ty/ Số lượng	Ghi chú
281	pin aaa	Pin AAA 1.5V	cặp	5	
282	cồn 90 độ	Cồn Ethanol 90%, sát trùng – vệ sinh	lọ	2	
283	bulong m8 30 inox	Bulong inox M8x30, kèm đai ốc	bộ	10	
284	đá cắt 350	Đá cắt kim loại đường kính 350mm	viên	2	
285	van 34 nhựa + khớp nối	Van nhựa DN34 kèm khớp nối	bộ	2	
286	van 42 nhựa + khớp nối	Van nhựa DN42 kèm khớp nối	bộ	2	
287	Cảo ba chấu kingtony 200mm	Cảo cơ khí kích thước 200mm 3 chấu cân lực đều 120°	Cái	2	
288	Cảo ba chấu kingtony 160mm	Cảo cơ khí kích thước 160mm 3 chấu cân lực đều 120°	Cái	2	
289	Đĩa mài gồm vật liệu mài bằng kim cương nhân tạo đã được kết khối được gắn cố định trên thân đĩa bằng sắt. Đường kính 180mm. Độ dày 5mm. Loại tốt, màu đen. Mới 100%	Đĩa mài kim cương, đường kính 180mm, dày 5mm	Cái	9	
290	Thép mạ 2 ly	Thép mạ kẽm, độ dày 2mm	Kg	6	
291	Sơn xịt Kobe	Sơn xịt công nghiệp Kobe, dung tích ~400ml/chai, nhiều màu, dùng chống gỉ & hoàn thiện bề mặt	Chai	40	
292	Can nhựa 5L	Can nhựa HDPE, dung tích 5 lít, có nắp kín	Cái	10	
293	Can nhựa 10L	Can nhựa HDPE, dung tích 10 lít, có nắp kín	Cái	10	
294	Can nhựa 20L	Can nhựa HDPE, dung tích 20 lít, có nắp kín	Cái	10	
295	Que hàn T-308L Phi 2,4mm	Que hàn inox T-308L, đường kính 2.4mm	Kg	5	
296	Que hàn T50-2.4	Que hàn thép carbon T50, đường kính 2.4mm	Kg	5	
297	Túi đựng đồ 16 inch, ETBG18161	41cm x 29cm x 21cm (Dài x rộng x cao)	Cái	4	
298	Xà beng kích thước 600 x 16mm Kendo - 26589	Xà beng thép đặc, chiều dài 600mm, đường kính 16mm	Cái	9	
299	Thước cuộn thép vỏ cao su, EMTP2525M	Thước cuộn thép, dài 5m, vỏ bọc cao su chống va đập	Cái	11	
300	Bu lông mắt M8	Bu lông mắt treo M8, thép hợp kim	Cái	4	CO, CQ (Bản sao) Chứng chỉ kiểm định

STT	Tên hàng hoá	Chi tiết kỹ thuật	Unit/Đvt	Q'ty/ Số lượng	Ghi chú
301	Ghế đầu thấp lỗ 2085	Ghế nhựa thấp có lỗ, cao ~20cm	Cái	100	
302	Que hàn TIG Bohler GT 308L f2.4 mm x 1000 mm	Que hàn TIG inox 308L, đường kính 2.4mm, dài 1000mm	Kg	5	CO, CQ (Bản sao) Packing list
303	Que hàn TIG Bohler S EMK6 f2.4 mm x 1000 mm	Que hàn TIG thép carbon EMK6, Ø2.4mm, dài 1000mm	Kg	5	CO, CQ (Bản sao) Packing list
304	Khóa 01602	Ổ khóa kim loại, loại 01602	Cái	10	
305	Túi cứu thương loại C	Túi sơ cứu y tế loại C, đầy đủ dụng cụ cơ bản	Cái	2	
306	Loa	Loa điện thông báo / loa di động	Cái	2	
307	Băng keo Scotch 3M - 23	Băng keo cao su tự hàn 3M Scotch 23, cách điện	Cuộn	3	
308	Cáp điện CU/PVC 1x25	Cáp điện lõi đồng 1x25mm ² , cách điện PVC	Mét	500	
309	Đầu cose điện 35x10mm	Đầu cos đồng 35mm ² , lỗ bắt bulong 10mm	Cái	50	
310	Đầu cose điện 35x12mm	Đầu cos đồng 35mm ² , lỗ bắt bulong 12mm	Cái	50	
311	Đầu cose điện 25x10mm	Đầu cos đồng 25mm ² , lỗ bắt bulong 10mm	Cái	50	
312	Đầu cose điện 25x12mm	Đầu cos đồng 25mm ² , lỗ bắt bulong 12mm	Cái	50	
313	Đầu cose điện 16x10mm	Đầu cos đồng 16mm ² , lỗ bắt bulong 10mm	Cái	100	
314	Đầu cose điện 16x12mm	Đầu cos đồng 16mm ² , lỗ bắt bulong 12mm	Cái	50	
315	Băng Keo Điện Vinyl 3M™ Scotch® Super 33+, Màu Đen, 3/4 in x 66 ft, 100/Thùng	Băng keo điện PVC 3M Super 33+, màu đen, 3/4in x 66ft	Cuộn	30	
316	Băng Keo Điện Vinyl 3M™ Scotch® 35, Màu Xanh Lam, 3/4 in x 66 ft, 10/Hộp, 100/Thùng	Băng keo điện PVC 3M Scotch 35, màu xanh lam	Cuộn	20	
317	Băng Keo Điện Vinyl 3M™ Scotch® 35, Màu Vàng, 3/4 in x 66 ft, 10/Hộp, 100/Thùng	Băng keo điện PVC 3M Scotch 35, màu vàng	Cuộn	20	
318	Băng Keo Điện Vinyl 3M™ Scotch® 35, Màu Xanh Lá, 3/4 in x 66 ft, 10/Hộp, 100/Thùng	Băng keo điện PVC 3M Scotch 35, màu xanh lá	Cuộn	30	
319	Dây rút nhựa 30cmx3mm	Dây rút nhựa nylon, dài 300mm, bán 3mm	Túi	15	
320	Ổ cắm phích cắm di động 32A-3P-220V IP67	Ổ cắm di động công nghiệp 32A, 3P, 220V, IP67	Bộ	60	
321	Ổ cắm 1 pha 3P cố định 32A-3P-220V IP67	Ổ cắm cố định công nghiệp 32A, 3P, 220V, IP67	Bộ	60	
322	Đai ốc 10mm,13mm,17mm	Đai ốc thép, các cỡ 10mm / 13mm / 17mm	Cái	300	